

thi ca thế giới chọn lọc

Khuất Nguyên

thơ



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

THI CA THẾ GIỚI CHỌN LỌC

TRẦN NHUẬN MINH
Tuyển giới thiệu

thơ

KHUẤT NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN:

Trong tuyển thơ này, chúng tôi có
sử dụng các bản dịch thơ của các dịch
giả: Đào Duy Anh, Nhượng Tống,
Nguyễn Sĩ Lâm.

Trân trọng cảm ơn các dịch giả thơ
Khuất Nguyên.

Địa chỉ liên lạc :

TRẦN TUẤN

49 Hồ Xuân Hương, P.6, Q.3

TP. Hồ Chí Minh

ĐT : 9306381

Nhà thơ thiên tài của nhân dân Trung Quốc

Trong nền thi ca vĩ đại của nhân dân Trung Quốc, Khuất Nguyên là một đại biểu kiệt xuất, là khởi điểm của mọi khởi điểm.

Ông sinh năm 390 trước công nguyên, tên thật là Bình, tên chữ là Nguyên, làm quan đến chức Tả Đồ dưới triều Sở Hoài Vương (chức quan chỉ đứng dưới Lệnh Doãn - Tể tướng).

Thời ông sống là thời mà bảy nước đang xâu xé nhau để tranh giành quyền lực : Tần, Sở, Tề, Ngụy, Triệu, Hàn, Yên. Đất nước Sở, quê hương ông, đang từ cường thịnh đã nhanh chóng bước đến bờ vực của sự hủy diệt. Ông thấy con đường duy nhất để cứu nước là phải cải cách chế độ chính trị, và chủ trương đó mâu thuẫn với quyền

lợi của bọn đại thần, nên chúng hùa nhau dèm pha ông, đến nỗi ông bị vua Sở xa lánh và cuối cùng phải lưu đày. 20 năm phiêu bạt với bao nỗi uất hận đắng cay, đã biến ông từ một viên quan thất thế trở thành một đại thi hào, mà tên tuổi rực sáng suốt 23 thế kỉ. Đúng như điều ông dự đoán, năm 278 trước công nguyên, đại binh Tần đã làm cỏ nước Sở, tàn phá kinh thành, thiêu hủy lăng mộ các triều vua. Như không còn bất cứ một điểm tựa mong manh nào, ông đã nhảy xuống sông Mịch La tự tử. Ông chết và nước Sở thân yêu trong hoài vọng của ông cũng đã chết. Sông Mịch La nay thuộc tỉnh Hồ Nam. Hằng năm, cứ đến ngày 5 tháng 5 âm lịch, tương truyền là ngày ông mất, nhân dân Trung Quốc vẫn tưởng nhớ ông bằng cách bơi thuyền, ném bánh xuống sông, hi vọng giao long thủy quái sẽ ăn bánh mà không rĩa xác ông.

Đọc thơ ông, thấy ông nói nhiều đến Thân Đồ, Ngũ Tử Tư, đặc biệt là Bành Hàm, đều là những người vì không can gián được vua mà nhảy xuống sông tự tử. Hình ảnh Bành Hàm ám ảnh suốt đời ông như một định mệnh nghiệt ngã :

Dẫu rằng đời có chẳng ưa

Thì xin theo lối cũng như Bành Hàm

Không phải ngẫu nhiên mà kết thúc kiệt tác Li Tao, ông viết :

Chính lành làm sức với ai ?

Bành Hàm đâu đó, ta thời đi theo

Nỗi đau của thể xác ông, của tâm hồn ông, hòa cùng nỗi đau của đất nước, của nhân dân, và vì thế, thơ ông mở ra một con đường một thời đại. Đó là chủ nghĩa yêu nước. Trước ông, chưa ai nói đến đường chính và đường tà của các bậc đế vương dẫn đến sự hưng thịnh hay diệt vong của một nhà nước :

Nghiêu Thuấn sáng lớn a

Theo đường chính mà đắc đạo

Kiệt Trụ buông tuồng a

Đi đường tà mà khuynh đảo

Cũng chưa ai, trước ông, nói đến nhân dân với độ sâu sắc hiếm có

Muốn vùng dậy mà chạy a

Thấy dân khô mà phải im lặng...

Thơ ông, tập hợp thành bộ *Sở Từ*, là kết quả của nhiều đời sau, do đó, mới có những tồn nghi về hai thi phẩm *Bốc Cư* và *Ngư Phủ*, mà có nhà nghiên cứu cho rằng, có thể là thơ của người khác viết về ông. Hai thi phẩm này gắn liền với cuộc đời ông và nổi tiếng không kém Li Tao và Thiên Vấn. Li Tao là tác phẩm hay nhất của ông, trong đó, lòng yêu nước, những kiến giải chính trị và số phận ông, bộc lộ trong những câu thơ tuyệt mỹ. Thiên Vấn là tác phẩm kì lạ nhất của ông, với hơn 170 câu hỏi, ông hỏi Trời về mọi vấn đề mà ngày nay còn làm chúng ta kinh ngạc. Hai thi phẩm khác : *Cửu Ca* là những khúc hát tế thần được sáng tạo lại, *Cửu Chương* là chín bài riêng biệt, sáng tác ở các thời kì khác nhau trong đời Khuất Nguyên. Trừ một hai bài trong *Cửu Chương*, toàn bộ thơ ông đều được viết trong thời gian ông bị vua Sở xua đuổi hoặc lưu đày.

Ba năm cố quốc đọa đày

“Sở Từ” muôn thuở bậc thầy văn chương

NGUYỄN DU (dịch thơ chữ Hán)

Với thể loại văn học mới, được Khuất Nguyên sáng tạo ra từ thế kỉ thứ IV trước công

*Dẫu rằng đời có chẳng ưa
Thì xin theo lối cũng như Bành Hàm*

Không phải ngẫu nhiên mà kết thúc kiệt tác Li Tao, ông viết :

*Chính lành làm sức với ai ?
Bành Hàm đâu đó, ta thời đi theo*

Nỗi đau của thể xác ông, của tâm hồn ông, hòa cùng nỗi đau của đất nước, của nhân dân, và vì thế, thơ ông mở ra một con đường một thời đại. Đó là chủ nghĩa yêu nước. Trước ông, chưa ai nói đến đường chính và đường tà của các bậc đế vương dẫn đến sự hưng thịnh hay diệt vong của một nhà nước :

*Nghiêu Thuấn sáng lớn a
Theo đường chính mà đắc đạo
Kiệt Trụ buông tuông a
Đi đường tà mà khuynh đảo*

Cũng chưa ai, trước ông, nói đến nhân dân với độ sâu sắc hiếm có

*Muốn vùng dậy mà chạy a
Thấy dân khổ mà phải im lặng...*

nguyên, thơ ông không dễ đọc, cũng không dễ dịch. Trong nguyên bản một số tác phẩm cứ cách một câu lại có một câu có chữ *hề* ở cuối, âm xưa của nó là *a*, là tiếng đệm trong câu hát của người Trung Quốc xưa, giống như tiếng ới. tiếng i tiếng ê, tiếng a trong các câu hát theo làn điệu cổ của người Việt Nam, Có người dịch là *a*, có người cứ để nguyên là *hề*, có người bỏ không dịch.

Cùng với Kinh Thi, Sở Từ là đỉnh cao của thơ ca cổ đại Trung Quốc, có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến sự phát triển của thơ ca phương Đông về nhiều phương diện : tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm, nhân cách của nhà thơ. Không phải ngẫu nhiên mà đại thi hào Đỗ Phủ, một thiên tài khác của nền thi ca Trung Quốc sinh 713 sau ông 1103 năm đã đánh giá cuộc đời và sự nghiệp thi ca của ông tranh sáng với mặt trăng, mặt trời. Năm 1953, Hội đồng hòa bình thế giới đã kêu gọi các nước tổ chức kỉ niệm Khuất Nguyên và chính thức xếp toàn bộ tác phẩm của ông vào kho tàng văn hóa của nhân loại.

TRẦN NHUẬN MINH

Bóc cu⁽¹⁾

Khuất Nguyên bị đuổi,
Ba năm không được gặp lại chúa
Dốc trí hết trung,
Mà bị gièm bỏ.
Lòng buồn lo rối,
Chẳng biết làm sao,
Bèn đi tìm Chiêm Doãn xin bói. ⁽²⁾
Rằng : Có điều nghi ngại,
Xin tiên sinh đoán cho.
Chiêm Doãn bèn đặt thẻ và lau vỏ rùa :
Ngài toan dạy gì đây ?
Khuất Nguyên liền đáp ngay :
Ta nên khấn khấn khoản khoản mà giữ trung à ?
Hay nên thù ứng tới lui cho đến cùng à ?
Ta nên cuốc xáo vỡ vạc ra sức cày à ?

Hay nên giao du quyền quý mà thành danh à ?

Nên nói ngay chẳng kị mà nguy mình à ?

Hay nên theo đòi giàu sang mà cầu vinh à ?

Nên cất mình cao thượng mà giữ lễ phải à ?

Hay nên ê a nhu nhợ mà thờ con gái à ?

Nên liêm khiết chính trực mà trong veo à ?

Hay nên mềm dẻo trơn tru như mỡ như da mà
nịnh chiều à ?

Nên ngang tàng như ngựa nghìn dặm à ?

Hay nên lênh đênh như vệt nước theo dòng chìm
nổi mà cầu sống tam à ?

Nên cùng kì kí đua đòi à ?

Hay nên theo dấu ngựa tôi à ?

Nên cùng hồng học mà thi cánh à ?

lay cùng gà vịt mà giành mảnh à ?

Ái gì tốt cái gì xấu ?

Đi nên theo gì nên bỏ ?

lời ngẫu đực mà chẳng trong :

ánh ve nặng trĩu,

ghìn cân nhẹ bong ;

huông vàng bỏ xó,

hình đất kêu oang.

đặc trưng đặc trưng.

12 THƠ KHUẤT NGUYÊN

Người ngay mũi lòng.
Ôi sao vắng lặng a ?
Ai biết ta liêm trung ?
Chiêm Doãn bèn huông thẻ mà tạ rằng :
Phàm thước có chỗ ngắn,
Tấc có chỗ dài ;
Vật có chỗ không đủ,
Trí có chỗ không ngời ;
Số có chỗ không xiết,
Thần có chỗ không soi.
Dụng tâm như ngài,
Thẻ rùa thực không thể biết được.

ĐÀO DUY ANH dịch

-
- (1) Bốc cư : Bói chỗ ở. Nghĩa rộng là nên ăn ở thế nào, nên ứng xử thế nào.
(2) Chiêm Doãn : Tên vị Thái bốc của nước Sở lúc ấy. Thái bốc là quan coi việc bói toán của nhà nước

上
人
寫
陽



Ngư phủ

Khuất Nguyên bị đuổi,
 Đạo trên bờ đằm.
 Vừa đi vừa ngâm,
 Vẻ mặt tiêu tụy,
 Dáng người gầy còm.
 Ông chài trông thấy liền ướm hỏi :
 Tam-lư đại phu đây phải không ?⁽¹⁾
 Vì sao mà đến nông nổi ấy ?
 Khuất Nguyên bèn đáp lại ung dung :
 Mọi người đều say, mình ta tỉnh ;
 Khắp đời đều đục, mình ta trong.
 Vì thế mà bị đuổi.
 Ông chài nói :
 Thánh nhân không câu nệ,
 Theo đời mà biến thông.
 Mọi người đều say,

16 THƠ KHUẤT NGUYỄN

Sao không uống tràn cho ngậy ngất đi ?
Khắp đời điều đục,
Sao không theo dòng mà sục ngàu lên ?
Lại cứ nghĩ sâu làm cao,
Để đến nỗi bị đuổi nào !
Khuất Nguyễn nói :
Ta nghe :
Người mới gọi thì phải khăn ;
Người mới tắm thì giữ áo.
Ai lại đem tắm thân trong vắt,
Mà nhuộm lấy nhơ nhớp của vật ?
Thà nhẩy xuống dòng Tương.
Chôn trong bụng thùng luồng !
Sao lại đem cái tiết sáng ngời,
Mà vùi vào bụi bặm của đời ?
Ông chài tùm tùm cười,

Chèo thuyền mà đi,
Hát vang sông :
Nước Thương Lang trong a,
Thì ta giặt khăn đầu.
Nước Thương Lang đục a
Thì ta rửa chân vào.
Chèo thuyền thẳng đi,
Không nói thêm gì.

ĐÀO DUY ANH dịch

(1) Tam Lư đại phu : chức quan cuối cùng của Khuất Nguyên.

Lì Tào ⁽¹⁾

I

Bá Dung nhớ cha ta thuở nọ,
Vốn dòng vua về bộ Cao Dương.
Tháng giêng đầu tiết xuân sang,
Côi đời ta xuống, giữa đường ngày Dần.
Buổi trứng nước ân cần săn sóc,
Biết bao nhiêu khó nhọc công cha.
Chữ hay kén đặt cho ta :
Tên là Chính Tắc, tự là Linh Quân.
Trong ta đã mười phần lộng lẫy,
Chải chuốt càng thêm nẩy xinh tươi,
Sói ngàn nhai bãi bãi khoác ngoài,
Tết lan thu lại làm dai đeo thường.
Sợ chẳng kịp, ta càng mê mãi,
Tuổi xanh nào có đợi gì ai !
Mộc lan sớm cất trên đồi,
Đông thanh chiều hái bên ngoài bến sông.
Ngày tháng vút đi không trở lại,
Vừa xuân qua đã lại thu sang !

Đoái trông cỏ áy cây vàng,
 Sợ con người đẹp muộn màng lỡ duyên !
 Tuổi đang trẻ nét quen cần rõ,
 Thế mà không đổi sữa cho đàn.
 Ngựa hay cười lấy ! Đi nhanh !
 Lại đây ! Ta chỉ cho mình đường quang,
 Đồi Ba vua thuở dương rực rỡ,
 Các giống thơm hơn hở đua tươi.
 Hoa tiêu, hoa quế lộn mùi,
 Cứ gì hoa huệ được người yêu dương !
 Theo đạo chính nhằm đường ngay thẳng,
 Nghiêu Thuấn xưa thiết đáng minh quân.
 Có sao Kiệt Trụ ngu dân,
 Đâm đầu lối tắt, sa chân đường cùng !
 Hám vui bọn chúng không biết sợ,
 Đường tối tăm hiểm trở xiết bao !
 Xe loan e lúc đổ nhào,
 Phải rằng ta sợ thiết vào đến thân !

Cố theo kịp gót chân vua trước,
 Quản chi công xuôi ngược long đong !
 Tình ta mình chẳng xét cùng !
 Nghe lời ton hót đem lòng giận ta !
 Nói thẳng vẫn biết là có hại,
 Biết vậy mà nín mãi không đành !
 Chín lần trời hãy chứng mình,
 Chỉ vì ta quá yêu mình đấy thôi !
 Trước cùng ta nặng lời hẹn ước,
 Sau vì đâu biếng nhác đơn sai ?
 Biệt li ta chẳng quản nài,
 Xót mình lòng dạ đổi đời bao phen.
 Chín vườn lan, lại nghìn sào huệ,
 Một mình ta chăm chỉ hôm mai.
 Tử tiêu bạch chỉ xen vai,
 Kệ trong đồ nhược, bao ngoài tân di.
 Mong cảnh lá có khi đua nẩy,
 Chờ đến mùa hái lấy hoa tươi.

Bỏ rơi ta thiết chi đời,
 Thấy trăm hoa chịu lạc loài mà thương !
 Chúng chen chúc trên đường vụ lợi,
 Tấm lòng tham, tham mãi tham hoài !
 Dem dạ mình, đọ bụng người,
 Sinh tình ghen ghét, đặt lời gièm pha !
 Mồi phú quý cố mà theo đuổi,
 Phải lòng ta có vội thế đâu !
 Cái gì sống sộc theo nhau,
 E không để được về sau tiếng lành.
 Ăn hoa rụng bên hành thu cúc ;
 Uống sương sa dưới gốc mộc lan.
 Tình yêu khôn đẹp muôn vàn,
 Khát hoài ! đói mãi ! phàn nàn mà chi !
 Rút rễ cây ta xe sợi chỉ,
 Xâu cánh hoa thiên lí xinh xinh.
 Cánh lan cánh huệ trắng tinh,
 Dây ngàn bền dẻo tết manh áo ngoài.

Áo như thế thói đời chẳng mặc !
 Ta cứ theo phép tắc người xưa.
 Dầu rằng đời có chẳng ưa,
 Thì xin theo lối cũng như Bành Hàm. ⁽²⁾
 Đời người khổ kẻ làm sao xiết !
 Đành than dài, gặt vết lệ hoen !
 Làm xinh ta khéo vô duyên !
 Sớm vừa can gián, chiều liền sa cơ !
 Sa cơ mặc, nhớn nhor vẫn thế !
 Vẫn đeo lan, giắt huệ như xưa !
 Lòng ta đã thích đã ưa,
 Dầu rằng chín chết có chừa được đâu !
 Trách mình chẳng suy sau xét trước,
 Mãi mãi không rõ được thói đời !
 Chúng ghen ta có mày ngài,
 Phao cho ta tiếng con người lẳng lơ !
 Người đời thật đã thừa khôn khéo,
 Dua nhau theo mực vẹo thước cong,

Khuôn vuông mẫu thẳng chẳng dùng.
 Cúi luôn cầu cạnh một dòng như nhau !
 Một mình chịu nuốt sầu ngậm tủi,
 Nói ai hay nông nổi lúc này ?
 Thà cho sống đọa thác đây,
 Lòng ta không nở để lây thói thường !
 Loài chim cắt ngang tàng bay bổng,
 Vốn xưa nay là giống không đàn.
 Vuông tròn vốn chẳng cùng làn !
 Khúc đường ai để yên hàn cho ai ?
 Tránh điều lời, mặc lời xoi mói !
 Nén chí xưa, cam nổi xót xa,
 Thánh hiền xưa cũng như ta :
 Thẳng ngay mà chết, ấy là chết trong !
 Tiếc nhận lời, mà không biết lối,
 Liệu về thôi, ở lại chi lâu ?
 Lạc đường cũng chữa xa đâu,
 Quay xe trở lại cho mau còn vừa !

24 THƠ KHUẤT NGUYỄN

Giục vó ngựa lên bờ Lan Dã
Sang gò Tiêu thông thả nghỉ ngơi.
Tiến ra chẳng hợp với đời,
Lui về sửa lại mặc ngoài cho xinh.
Hái sen súng cắt manh áo đẹp ;
Cắt phù dung may nếp xiêm dài.
Đời không biết đến mặc đời
Tình ta ví hẩn vện mười thơm tho !
Mũ ta đội xốc cho cao ngất ;
Đai ta đeo buông thật dịu dàng.
Khắp mình thơm nức sáng choang,
Đẹp còn giữ được chất thường chưa phai.
Chợt quay lại liếc chơi ta muốn,
Đi xem cho khắp bốn cõi hoang.
Rung rinh bao thú điểm trang !
Ngạt ngào càng thấy rõ ràng mùi thơm.
Đời ai cũng riêng ham từng món,
Như ta đây chỉ muốn làm xinh.
Phân thân xé xác cũng đành !
Lòng này hồ dễ dõ dành được sao !

II

Tiếng cô chị bước vào léo xéo,
 Mắng ta rằng : "Rõ khéo ngẩn ngơ.
 "Bước như chàng Cỗn ngày xưa,
 "Bỏ mình núi Vũ bây giờ ai thương ?
 "Sao em thích khoe khoang chải chuốt,
 "Riêng một mình giữ một vẻ xinh ?
 "Đây nhà dây dợ, cỏ tranh,
 "Người ta mặc cả sao mình lại không ?
 "Nói với chúng để hòng nói xiết !
 "Ai là người xét biết lòng ta ?
 "Đời đều bè đảng gian tà,
 "Một mình ta nói, nói mà ai nghe !"
 Trong đạo thánh liêu bề theo rồi,
 Đền chi đây xiết nổi tâm toan !
 Sang Nam qua ngọn Tương Ngao,
 Tới đền vua Thuấn, ta than vài lời :
 "Mê hát xướng kia đời nhà Hạ,
 Vua Thái Khang thỏa dạ vui chơi,

Chẳng lo chẳng nghĩ lâu dài,
 Năm con mới phải lạc loài bốn phương.
 Vua Nghệ chỉ ham đường săn bắn,
 Say chim muông quên hẳn việc thường.
 Tham vui vua Xác hoang toàng,
 Cả hai đều phải thịt xương tan tành !
 Đến vua Ngáo cậy mình sức khỏe,
 Chẳng giữ gìn phi chí ăn chơi.
 Quên mình ngày tháng đông dài,
 Quá ra khi đã đề rơi cả đầu !
 Hạ Kiệt có biết đâu đạo cả,
 Lừa lừa trông tai vạ đến nơi.
 Vua Tân ướp món thịt người
 Cũng vì thế mới hết đời nhà Thương !
 Lại xét đến Vũ Thang, Văn Võ
 Kính mà nghiêm chẳng bỏ đạo hằng.
 Cát dùng toàn bọn tài năng,
 Theo khuôn giữ mực thẳng bằng một chiều !

Ông trời chẳng riêng yêu ai hết !
 Xem thấy ai đức nết thì nên.
 Xưa nay chỉ bậc thánh hiền,
 Thương dân mới được cầm quyền trị dân.
 Trông sau trước xét lần sự thế,
 Hãy để tâm suy nghĩ cho cùng.
 Làm đâu được việc bất công !
 Những phường bất nghĩa có dùng được đâu !
 Lòng này nghĩ trước sau như một,
 Dẫu chết ngay chẳng chút nôn nao !
 Người xưa oan thác biết bao !
 Then vuông lựa có vào sao lỗ tròn !
 Nức nở khóc lo buồn đầy dạ,
 Tủi cho thân sinh đã lỗi thời !
 Gạt sầu bút cánh huệ tươi !
 Áo khăn lã chã lệ rơi ướt đầm !
 Quì khép áo lằm rằm khăn vái :
 “Xin dốc theo lẽ phải đường ngay !”.

Quay ra đập gió rẽ mây,
 Cưỡi rồng gióng phượng định ngày chơi xa :
 Sớm Thương Ngô, chiều qua Huyền Phố,
 Đền thần linh xa ngó cửa ngoài.
 Chốn này muốn tạm nghỉ ngơi,
 Chiều hôm bảng lảng mặt trời xuống nhanh.
 “Hi Hòa hỡi nể tình ta với !
 Lối non đồi chớ vội xông pha.
 Quản bao nước thăm non xa,
 Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng !”
 Cho ngựa uống bên đồng Dục Nhật,
 Buông dây cương ở đất Phù Tang.
 Nhỡn như chốc lát dọc đường,
 Bể cảnh nhược mộc chẳng ngang mặt trời.
 Chạy trắng phải nhanh chân tiến trước,
 Dì gió cho lần bước theo sau.
 Chim loan mở lối đi đầu,
 Nhưng thần sấm sét đốc hầu chưa xong !

Ta giục phượng gia công bay mãi,
 Suốt ngày đêm rong ruổi cho mau.
 Con giông bão táp theo hầu !
 Cầu vòng mống cụt đem nhau đến chào !
 Khắp các ngã trước sau tập tót,
 Đủ mọi màu trên dưới toi bời...
 Ta truyền mở cửa nhà trời !
 Lính canh lại tựa cửa ngoài nhìn ta.
 Người mỗi mệt, ngày đã sẫm tối,
 Đứng bơ phờ tay với bông lan !
 Cõi đời như đục muôn vàn,
 Ghét tài ghét đẹp, thói càn đã quen.
 Sớm dóng ngựa qua miền Bạch Thủy,
 Lên Lãng Phong ta sẽ dùng cương.
 Không ai là gái đảm đang,
 Trông về nước Sở gạt hàng lệ rơi.
 Chơi cung Xuân này nơi thanh nhã,
 Đeo giắt thêm hai đóa hoa quỳnh.

Hoa tươi còn chứa lìa cành,
 Xem ai là gái hữu tình ta đưa
 Sai thân mây đi mưa về gió,
 Cung Phục Phi tìm rõ tới nơi.
 Mỗi may ta lại cậy người,
 Cởi giây đeo để ngỏ lời giao hoan !
 Trải mấy độ qua ngàn vượt núi,
 Bỗng dọc ngang đường lối khó thông.
 Chiều hôm về nghỉ non Cùng
 Sớm ra gọi tóc trên sông Vị Bàn.
 Nàng cây đẹp khinh nhòn quen thói,
 Quên tháng ngày, mê mãi dong chơi.
 Đẹp nhưng mất nét xin thôi,
 Bỏ tìm chốn khác lấy người đoan trang.
 Vùng trời rộng bốn phương man mác,
 Xem khắp rồi lại bước xuống đời.

Hữu Nhung trông với côi ngoài,
 Long lanh đèn ngọc, thấy người gái xinh.
 Mượn chim trăm mối manh nói hộ,
 Trăm trả lời "Việc đó không xuôi !"
 Kìa chim tu hú đại đời,
 Ta còn ghét nó là loài tinh ranh.
 Minh khuây khỏa lấy mình chẳng nổi,
 Lòng hồ nghi trăm mối vẫn vương.
 Chịu lời ta đã phượng hoàng,
 Chỉ e ta đến sau chàng Cao Tân,
 Xa tìm chốn yên thân chẳng có,
 Đành lênh đênh đây đó biết sao !
 Thiếu Khang đang lúc ba đào,
 Họ Kiều hai gái sánh vào vừa xinh.
 Lí đã kém mối manh lại vụng,
 Chỗ hẹn lời e cũng không bền.
 Người đời bản tửu nhỏ nhen,
 Chuông bên gian ác, ghét bên hiền tài.
 Buồng the đã là nơi cách trở,
 Nhà vua còn đương ở mê say,
 Ôm lòng biết ngỏ ai hay ?
 Bước đời nhin mãi nước này được sao ?

III

Chẽ nắm cỏ Quỳnh Mao làm thẻ,
 Mượn Linh Phân gieo quẻ nhân duyên.
 Quẻ rằng : "Ao ước thì nên,
 Bên tài, bên sắc, đôi bên cùng lòng.
 Nghĩ chín cõi mệnh mông rộng rãi,
 Phải riêng đây có gái kén chồng ?
 Đường xa xin chớ ngại ngừng,
 Người xinh ai chẳng đem lòng khát khao ?
 Cỏ thơm để nơi nào chẳng có,
 Thương tiếc chi quê cũ nữa anh !
 Quáng lòa bao kẻ chur.g quanh,
 Dở hay ai xét cho mình nữa đâu !
 Lòng yêu ghét khác nhau biết mấy !
 Bọn chúng coi thật thấy lạ đời.
 Cỏ hôi đeo giắt đây người !
 Hoa lan thơm ngát chê bai chẳng dùng.
 Loài cây cỏ còn không phân biệt,
 Giống ngọc lành xét biết đâu mà !

Phân tro xếp đống đầy nhà !
 Cánh hời, cánh quế cho là không thơm !
 Quẻ dạy thế, ở làm chi nữa !
 Nhưng lòng còn lưỡng lự chưa đi.
 Chiều nay sắp đặt lễ nghi,
 Mời Vu Hàm lại ta thì hỏi han.
 Chín dãy núi chập chờn đón rước.
 Trăm vị thần chũng chạc tới nơi.
 Hào quang rực rỡ đầy trời,
 Vì ta dạy hết mọi lời thủy chung.
 Rằng : "Lên xuống cố công tìm hỏi,
 Ai cùng mình khôn lỏi như in.
 Vũ Thang kén lựa tôi hiền :
 Chí Cao Dao được chúng tin yêu vì.
 Quả là đẹp, cứ gì tốt mới !
 Giá ngọc lành há phải bán rong !
 Duyệt xưa đắp đất ngoài đồng,
 Vũ Đinh tìm gặp tin dùng chẳng nghi.

34 THƠ KHUẤT NGUYỄN

Lã Vọng trước làm nghề bán thịt,
Gặp Văn Vương mới biết tướng tài.
Chăn trâu Ninh Thích hát chơi,
Tề Hoàn nghe đã cho vời làm quan.
Tuổi chưa muôn lo toan còn kịp,
Thời đương vừa thu xếp đi cho !
Véo von đề quyết gọi thu,
Trăng hoa e lúc thom tho chẳng còn !
Vòng hoa quỳnh đẹp dòn biết mấy,
Che lấp đi, ai biết vẻ xinh !
Ghét ghen chúng chẳng thương tình,
E khi dập gãy tan tành biết đâu.
Trách thời tiết thật mau thay đổi,
Nào lửa lần được mãi cho cam !
Hoa lan giờ đã hết thom,
Hoa nhài hoa huệ hóa làm cỏ tranh...
Bao nhiêu giống hương thanh sắc đẹp,
Đều dốc đời đời kiếp hội tanh !...

Không năng chải chuốt làm xinh,
 Tại ai đâu chỉ tại mình đấy thôi !
 Lan ta tưởng đáng nơi tin cậy,
 Có ngờ đâu bóng bẩy mà hư !
 Theo đời, bỏ vẻ đẹp xưa,
 Đua đòi câu thả cũng như mọi loài,
 Tiêu bọ dờ nình đời ra mặt !
 Túi thuốc trừ nhét chặt thù du.
 Dem thân cầu cạnh bon xu,
 Còn đâu giữ được thơm tho tính trời !
 Thói thường vốn theo thời thay đổi,
 Ai giữ mình cho khỏi suy di !
 Tiêu lan còn chả ra gì,
 Trách chi đến sói, kể chi đến nhài !
 Riêng hoa quỳnh thật loài đáng quý,
 Tới nay còn giữ vẻ năm xưa.
 Hương còn thoang thoảng xa đưa,
 Đẹp còn nguyên vẹn vẫn như ngày nào !

Tự an ủi, theo vào mực thước ;
 Ngắm hoa đeo hồi trước còn xinh.
 Khắp vùng trời đất mông mênh,
 Tìm cho thấy bạn hữu tình mới thôi.
 Linh phân dạy : “Quê coi tốt lắm !”
 Chọn ngày lành ta sắm sửa đi.
 Hoa quỳnh bẻ lấy phòng khi,
 Cành thì làm bánh, cành thì làm com.
 Lộn gà ngọc đóng làm xe cỡi ;
 Kéo xe ta phát phối rồng bay.
 Đi cho vắng mặt khuất mây !
 Lòng lìa, thế bất thân này phải xa !
 Đường thăm thăm trông ra quanh quất,
 Hãy vòng xe qua đất Côn Lôn.
 Vang vang nhạc ngọc thét dòn,
 Mây màu lấp lánh vây tròn trước sau.
 Sớm bên trời bắt đầu rong ruổi,
 Chiều hôm ta tới cội cực tây !

Trước xe đón ngọn cờ bay,
 Phụng hoàng vỗ cánh tung mây tuyết vờ.
 Chốc ta lại qua chơi bể Cát
 Theo dòng sông bát ngát đổ ngầu !
 Thuồng luồng sửa bến cho mau !
 Bảo Tây hoàng phải bắc cầu ta sang.
 Xa thăm thăm cõi đường hiểm trở,
 Dồn các xe giúp đỡ ta cùng !
 Bất Chu lối tả đi vòng,
 Hẹn ngày tháng chỉ qua vùng bể Tây.
 Đều tay sắp giật dây cương ngọc,
 Nghìn xe cùng một lúc ra đi.
 Tám rồng bay lộn trước xe.
 Cờ mây phát phới, bóng che rợp trời.
 Hãy ngừng bước, tạm nguôi dạ tủi ;
 Buông thả hồn lên cõi cao xa,
 Múa thiều hát khúc Cửu ca,
 Tháng ngày thong thả liệu mà làm khuây.

Cất mình khoảng trời mây rộng rãi,
Chợt ngánh đầu trông lại quê hương.
Ngựa buồn, đầy tớ thảm thương,
Co ro, nhón nhác, ngại đường chẳng đi.

Vãn rằng :

Thôi ! Thương tiếc làm chi cho cực !
Biết ta đâu một nước không người.
Chính lành làm sức với ai ?

Bành Hàm đâu đó, ta thời đi theo ! (2)

NHUỘNG TỔNG dịch

(1) Li tao : Mối sầu li biệt (khi Khuất Nguyên bị đày xuống phương Nam)

(2) Bành Hàm : Hiền thần của nhà Ân, can vua Trụ không nghe, nhảy xuống sông tự tử.

Thiên vấn ⁽¹⁾

Hỏi :

*Vũ trụ sơ khai,
Ai truyền gốc tích ?
Trời đất chưa thành.
Xét đâu lai lịch ?*

*Sáng tối hỗn độn
Ai suy cho rõ ?
Máy tạo chuyển vần,
Ai biết lúc đó ?*

*Sáng tối, tối sáng,
Đắp đôi cố sao ?
Âm dương hợp hóa,
Nguồn gốc thế nào ?*

Trời tròn, chín tầng,
Ai xây dựng kiêu ?
Tầng nào khởi đầu,
Thợ nào tay khéo ?

Vòng trời buộc đâu ?
Trục trời gác đâu ?
Chống đầu tám cột núi ?
Đông nam sao biển sâu ?

Biên giới chín tầng,
Rộng tới mô đó ?
Góc nhiều cạnh lắm,
Ai rõ con số ?

Đâu trời giáp đất ?
Vòng chia thế nào ?
Treo đâu vầng nhật nguyệt ?
Bầy đâu các vì sao ?

Hang Dương sớm mọc
Bến Mông chiều xế,
Vầng nhật sớm chiều,
Đi bao dặm thế ?

Vầng trăng chất gì,
Chết rồi lại sống ?
Hòng được cái lợi chi,
Áp thở nằm trong bụng ?

Nữ Kì không chồng, ⁽²⁾
Chín con sao có ?
Thần Bá Cường trú đâu ?
Mây điềm đâu rạng tỏ ?

Đóng sao tối mịt ?
Mở sao sáng choang ?
Phương đông còn sao Giác,
Ân đâu vàng thái dương ?

Bình Ế gào thét, ⁽³⁾
Sao đổ mưa rào ?
Phi Liêm mình hươu, ⁽⁴⁾
Sao nổi gió ào ?

Ngao đội núi múa ⁽⁵⁾
Sao tiên được yên nơi ?
Núi không thuyền chở,
Sao tiên lại bạt khơi ?

Chín châu đặt đâu ?
Sông ngòi sao thăm đáy ?
Sao nước biển đông,
Chứa mãi không đầy vậy ?

Đông tây nam bắc,
Chiều nào dài nhiều ?
Nam bắc thon lại,
Số dài bao nhiêu ?

Huyền phố núi Côn,
Đâu nơi bám rễ ?
Tầng thành chín tầng,
Cao bao dặm thế ?

Bốn bên cửa núi,
Ai người ra vào ?
Cửa tây bắc thường mở,
Lưu thông luồng gió nào ?

Bóng dương sao chẳng tới ?
Đuốc rồng đâu sáng rọi ?
Hi Hòa xe chữa dòng, ⁽⁶⁾
Hoa nhược sao chiếu hồng ?

Xứ nào đông ấm nóng ?
Xứ nào hè rét trời ?
Rừng nào mọc cây đá ?
Thú nào nói tiếng người ?

Núi nào có giống rồng,
Cống gấu mà dạo rong ?

Rắn độc chín đầu,
Nơi nao luôn lủi ?
Đâu có nước trường sinh,
Người dài sao giữ núi ?

Bèo nào chín cánh,
Lại nở hoa gai ?
Rắn nào nuốt voi,
To lớn lạ đời ?

Hắc thủy đâu sông ?
Chi, Ngụy đâu núi ?
Miền ấy dân trường thọ,
Thọ đến đâu là cõi ?

Cá lăng, chim kì.
Đâu hai giống lạ ?
Nghệ bắn mặt trời sao ?⁽⁷⁾
Sao rụng cả lông quạ ?

Phụ nữ lên làm vua,
Ai tôn ngôi ấy ?
Nữ Oa có dị hình, ⁽⁸⁾
Ai cấu tạo vậy ?

Vua Thuấn múa can,
Sao địch quốc hòa thân ?
Sườn mập da mịn
Sao béo tốt nhân dân ?

Không tài trị thủy,
Sao chúng cứ Cồn đi ? ⁽⁹⁾
Chúng rằng : “Chẳng ngại”
Sao không khảo sát một khi ?

Đê rùa đập cú,
Sao Côn đắp theo hình ?
Chỉ ráp nên công,
Vua bắt tội sao đành ?

Sang tây lối cùng,
Vượt sao non mấy chặng ?
Chết hóa gấu vàng,
Thầy mo sao làm sông đặng ?

Đê dân trồng lúa,
Côn ngăn đắp bãi lầy.
Cũng đầy côi thảm,
Sao tội Côn nặng thay ?

Ba năm từ núi Vũ
Sao không khỏi tử hình ?
Bá Vũ là con Cỗ
Sao khéo thay đổi công trình ?

Kế tục sự nghiệp.
Hoàn thành công cha.
Sao cũng việc làm trước.
Mà phương kế khác xa ?

Nước lụt đường vực thẳm,
Đất đâu lấp vào ?
Chín châu chín cấp bậc,
Ruộng đất phân sao ?

*Đuôi rồng đâu khéo vạch ?
Vũ qua bao biển, lạch ?*

*Côn kinh doanh lối nào ?
Vũ thành công cách gì ?
Khang Hồi con tức giận, ⁽¹⁰⁾
Sao đất đông nam bị sụt đi ?*

*Vũ cố công gắng sức,
Chăm lo việc bốn phương,
Còn đâu gặp gái Đồ Sơn
Mà kết hôn tại Thai tang ?*

Đôi lứa tìm người,
Nói đôi tính kẻ.
Sao vội thay khâu vị,
Chỉ cầu khoái một bữa thế ?

Khải thay Ích làm vua, ⁽¹¹⁾
Phút trừ kẻ thù địch
Sao Khải biết mưu toan,
Mà u tù thoát ách ?

Vây cánh đều bị hại
Riêng Khải được ngoài tròng.
Sao Ích đã thay ngôi,
Mà Vũ vẫn truyền dòng ?

Khải mộng lên châu trời,
Được nhạc “cửu biến” “cửu ca”.
Sao sinh con phải mồ mẹ,
Để chết phân thân tận cõi xa ?

Trời sinh Di Nghệ, ⁽¹²⁾
Trừ hại cho dân.
Sao bắn đui mắt Hà bá.
Lại cùng Lạc thần ái ân.

Cung khảm kéo căng,
Bắn heo to nọ,
Sao thượng đế không hưởng,
Lẽ dâng món thịt đó ?

Hàn Xác lấy Thuần Hồ, ⁽¹³⁾
Hiếu sắc mà mạnh tâm,
Sao Nghệ tài bắn thế,
Giết hại khéo mưu ngầm ?

Xiêm nghệ lượn nếp.
Vẽ sao xinh xinh ?
Trộm đầu thuốc "bất tử"
Mà không phép tàng hình ?

Luật trời tung hoành,
Dương lừa người thác,
Chim lớn kia kêu gì,
Nó có tiêu đâu thể xác ?

Tới phòng chị dâu,
Ngáo cầu gì đó ?⁽¹⁴⁾
Sao Thiếu Khang suyt chó, ⁽¹⁵⁾
Rùng sâu phứt rơi sọ ?

Nữ kì may xiêm,
Chung chạ, ân ái.
Sao đã cắt lằm đầu,
Mà Ngáo vẫn bị hại ?

Thiếu Khang dấy nghiệp,
Tụ sao dân chúng ?
Châm tằm úp thuyền rồi,
Cách nào mà thu dụng ?

Kiệt đánh Mông Sơn, ⁽¹⁶⁾
Được gì ở đấy ?
Muội Hỉ dâm loạn sao ? ⁽¹⁷⁾
Sao Thang đầy Kiệt vậy ?

Đồ tể ngọc, ngà,
Cúng dâng Thượng đế,
Sao Kiệt nổi nghiệp xưa,
Trợn phải diệt vong thế ?

Vua Thang tuần du,
Gặp được Y Chí, ⁽¹⁸⁾
Sao đất Điều đầy vua,
Dân chúng lại hoan hỉ ?

Giản Định trên đài,
Vua Cốc sao ung ?
Chim én đưa lữ,
Gái Nhung sao mừng ?

Thuần lo hiếu dưỡng,
Đom bóng cố sao ?
Nghieu gả hai con gái,
Sao không báo họ Diêu ?

Thuần cảm hóa em,
Em vẫn ngậm hại.
Sao chó lợn buông lòng,
Mà tính mạng không nguy bại ?

Em dâu dâm ác,
Mưu hại anh hoài,
Sao con người quỷ quái.
Dòng giống lại truyền đời ?

Khải giữ gìn đức tốt
Vũ khen ngợi từ lâu.
Sao phải đánh Hữu hồ,
Phế theo dòng chẵn trâu ?

Hữu hồ dòng kia,
Gặp nạn vì sao ?
Khải vào đánh tận giường,
Thoát mạng trốn nơi nao ?

Đức lành giữ trọn,
Tế đâu trâu to ?
Sao sau buổi tế trời,
Được nhiều phúc ban cho.

Hành vi man muội,
Thân danh đâu còn ?
Cú đâu đổ lùm gai,
Ai gheo người công con ?

Thang tuần miền đông,
Hữu Sần tới nước, ⁽¹⁹⁾
Sao cầu người tôi nhỏ,
Mà vợ hiền lại được ?

Lông cây bến sông,
Được đâu đứa bé ?
Bắt đi hầu cô dâu,
Vua Sần ghét chi thế ?

Đầy đi Trùng tuyên,
Thang có tội gì ?
Bản tâm không đánh Kiệt
Ai đã bày mưu kia ?

Xưa Thang được Chí,
Phò Kiệt từng tiến cử
Sao lại về Thang,
Truyền đời miếu thiên tử ?

Cái thân chúa Trụ kia,
Ai mê hoặc tâm tính ?
Sao ghét trung lương,
Mà ưa gièm nịnh ?

Xa hoa mới chớm mầm,
Sao lòng biết được ?
Đài ngọc mười tầng cao,
Ai kết luận trước ?

Tĩ Can trái ý gì, ⁽²⁰⁾
Vua lại giết càn ?
Lôi Khai chiêu ý gì, ⁽²¹⁾
Vua lại phong quan ?

Thánh nhân cùng một đức tốt,
Việc làm sao khác đường ?
Mai Bá bị ướp mắt, ⁽²²⁾
Cơ Tử giả điên cuồng. ⁽²³⁾

Hội mình một sớm,
Sao khôn hẹn mà nên ?
Đàn ung tung cánh,
Ai đồn ra trận tiền ?

Trận hội đánh chúa Trụ,
Chu Công chữa quyết bài.
Sao mưu phò vua Vũ,
Lo yên vận nước những than lời ?

Nhà Ân có thiên hạ.
Ngôi trời sao được trao ?
Trao ngôi lại cất ngôi,
Trụ mắc tội ác sao ?

Tranh nhau cầm võ khí,
Không thúc, sao quyết lòng ?
Đột kích hai sườn địch,
Không lệnh, sao xung phong

Tắc vốn con đầu, ⁽²⁴⁾
Trời sao hậu đãi ?
Vứt trên làn vầng lạnh,
Áp ủ chim đầu lại ?

Sao được mang cung tên ?
Quý Lịch có dị tài, ⁽²⁵⁾
Công lớn, vua kinh động,
Quyền vị sao lâu dài ?

Văn Vương cầm hiệu lệnh,
Chấn dân chỉ chức bá,
Sao sau được nước Ân,
Đất kì triệt nền xã ?

Cổ Công rời đất Kì, ⁽²⁶⁾
Sao dân theo về ?
Đất Kỉ mê hoặc chúa,
Sao để tiếng chê ?

Trụ cho mắt thịt người,
Vãn Vương dâng cáo trạng.
Sao trời phạt nhà Ân,
Phút tiêu cả vận mạng ?

Lã Vọng ngồi quán thịt, ⁽²⁷⁾
Vua sao chú ý ?
Dao mổ khua dòn,
Vua sao hoan hỉ ?

Vũ Vương treo đầu Trụ,
Giận gì nên nổi ?
Thần chủ chờ đi trận,
Hội quân sao vội ?

Treo cổ đất Bá Lâm,
Bởi đâu duyên cớ ?
Nỗi oan thấu đất trời,
Sao còn e sợ ?

Mệnh trời đã dành cho,
Sao thường phải cảnh giác ?
Đang ở ngôi tôn sùng,
Trời bỗng thay người khác.

Chiêu Vương xa chơi, ⁽²⁸⁾
Bến nam yên nghỉ.
Vương đã tham lợi gì,
Chỉ vì chim bạch trĩ ?

Muốn thỏa chí vui chơi,
Mục Vương du hành sao ?⁽²⁸⁾
Ngựa xe khắp thiên hạ,
Mưu đồ sự gì nào ?

Người bán hàng yêu quái,
Rao gì trong chợ nọ ?
U Vương bắt tội ai ?⁽²⁸⁾
Bao Tự sao tiến vào đó ?

Mệnh trời tráo trở,
Sao phù, sao phạt ?
Tề Hoàn làm bá chủ,⁽²⁹⁾
Rốt cục bị tàn sát !

Bành Tở dăng canh trĩ, ⁽³⁰⁾
Thượng đế sao hưởng ?
Tuổi thọ nhiều như thế,
Cách nào bảo dưỡng ?

Cùng giữ chức chẵn dân,
Sao gây tranh cạnh ?
Ong kiến loài vật nhỏ,
Sao có sức mạnh ?

Rau vị nhin không ăn,
Sao hươu cho bú ?
Non Thú lượn dòng sông,
Thích gì, cảnh đó ?

Anh có con chó dữ,
Em sao muốn đổi ?
Trăm cỗ xe, không cho,
Tước lột mất truội !

Nước Ngô truyền danh,
Non Nam mở lối,
Ai hay cuộc xa chơi,
Đón được hai vua giỏi.

Hạp Lư cháu Thọ Mộng, ⁽³¹⁾
Hồi nhỏ lưu vong,
Trưởng thành sao anh dũng,
Truyền để uy phong ?

Ngô Quang tranh được nước, ⁽³²⁾
Phá Sở khéo thừa cơ.
Sao đào khắp làng xã, gò núi,
Tìm kiếm người như Tử Văn xưa ?

Ta bảo Đô Ngao,⁽¹⁾
 Không được lâu dài !
 Sao muốn mình can vua,
 Trung trực tỏ danh hoài ?

Chiều hôm, trời sấm chớp,
 Sá quản về xa ?
 Có vua không được phụng sự,
 Trời phạt gì ta ?

Hang hổ thân đầy dọa,
 Nói năng gì nào ?
 Quân Sở thường đầy động,
 Hơi sức được bao ?
 Lỗi làm biết hối cải,
 Ta còn nói sao ?

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Thiên vấn : Hỏi trời.

(2) Nữ Kì : Thần nữ không có chồng sao có chín con

72 THƠ KHUẤT NGUYỄN

- (3) Bình Ế : Thần mưa
- (4) Phi Liêm : Thần gió
- (5) Ngao : Rùa biển
- (6) Hi Hòa : Thần đánh xe cho mặt trời.
- (7) Nghê : Người coi việc săn bắn cho vua Nghiêu (không phải Hậu Nghê)
- (8) Nữ Oa : Con vua Phục Hi, sau lên làm vua, từng đội đá vá trời, người kì lạ : đầu trâu, mình rắn.
- (9) Cỗn : người trị thủy không thành bị vua Thuấn giết chết.
- (10) Khang Hối : tên của Cung Công, tranh ngôi vua không được, húc đổ cột chống trời, sụt đất vùng đông nam
- (11) Khải là con Vũ. Ích là hiền thần của Vũ.
- (12) Di Nghê : Vua chư hầu nhà Hạ, sau cướp ngôi tự lập.
- (13) Hàn Xác : con vua chư hầu nước Hàn. Thuấn Hồ là vợ Di Nghê.
- (14) Ngáo : con Hàn Xác và Thuấn Hồ.
- (15) Thiếu Khang : con vua nhà Hạ, sau diệt Xác và Ngáo, lên ngôi vua.
- (16) Kiệt : bạo chúa nhà Hạ.
- (17) Muội Hỉ : vợ Kiệt.
- (18) Y Chí tức Y Doãn, hiền tướng của vua Thang
- (19) Hữu Sấn : tên một nước chư hầu đời nhà Hạ.
- (20) Tỉ Can : quan giỗ của vua Trụ bị Trụ giết để lấy tim.
- (21) Lôi Khai : gian thần được vua Trụ trọng dụng
- (22) Mai Bá : vua chư hầu nhà Hạ, can ngăn Trụ giết
- (23) Cơ Tử : quan thái sư, khuyên can Trụ không được, xòa tóc giả điên.

- (24) Tắc : Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu.
- (25) Quý Lịch : cha Văn vương, có đặc tài.
- (26) Cổ Công : cha Quý Lịch, ông Văn Vương, rời sang đất kì, lập nên nhà Chu.
- (27) Lã Vọng, trước làm nghề mồi trầu, giúp Văn Vương, Vũ Vương được tôn làm sư phụ.
- (28) Các đời vua nhà Chu.
- (29) Tể Hoàn : Tể Hoàn Công
- (30) Bành Tổ : Tiên Khanh thọ 800 tuổi (theo truyền thuyết, vì dâng canh thịt chim trĩ cho thượng đế, nên được thọ)
- (31) Hạp Lư : vua nước Ngô. Thọ Mộng : ông nội Hạp Lư.
- (32) Ngô Quang : Hạp Lư tên là Quang. Vua nước Ngô.
- (33) Đỗ Ngao : Hùng Gian lên ngôi vua bị giết. Nước Sở gọi những vua mới lên đã bị giết đều là Ngao.

Cửu ca ⁽¹⁾

**I. ĐÔNG HÒA
THÁI NHẤT⁽²⁾**

Giờ lành a ngày tốt,
Hón hờ a kính Ngài.
Vỗ gươm dài a cán đeo ngọc ;
Ngọc leng keng a ánh sáng ngời ;
Chiếu cơ dao a trấn bằng ngọc,
Sao chẳng cầm a cành quỳnh tươi !
Bọc huệ a đồ nấu,
Lót lan a mâm xôi.
Rượu quế a dâng cúng;
Rung trống a múa dùi.
Khoan nhịp a điệu hát,
Khèn đàn a hòa vui.
Bóng mặc đẹp a múa dẻo.
Hương đầy nhà a phơ phơ.
Năm cung bậc a hợp điệu,
Ngài hân hoan a tươi cười.

II. ĐÔNG QUÂN ⁽³⁾

Hùng sắp lên a ở phương Đông,
Soi lan can ta a cây phù tang.
Ta thắng ngựa a đi đâu nhỉ ?
Đêm dần dần a đã sáng choang.
Cõi xe rồng a sấm vang,
Chở cò mây a lượn phới.
Than thở dài a lên xe,
Lòng bồi hồi a ngoái lại.
Tiếng hay cùng a sắc đẹp,
Người xem vui a mãi quên.
Gảy đàn a đánh trống,
Lay giá a chuông rền,
Rúc sáo a thổi kèn,
Nghĩ Bóng a xinh đẹp,
Nhẹ nhõm a thúy bay,

Hát lên a múa nhịp,
Cung thương a hợp điệu,
Ngài tới a huy hoàng,
Áo mây xanh a xiêm rắng bạc,
Phóng tên dài a bắn Thiên lang.

Mang cung ta a lại lặn xuống,
Cầm Bắc Đẩu a rót rượu nồng.
Dóng dây cương a ta cao ruồi,
Trời mịt mù a trở lại Đông.

III. VĂN TRUNG QUÂN (9)

Tắm thang lan a gọi hương,
Mặc tươi sáng a y thường.
Bóng uốn lượn a đã đến,
Sáng rực rỡ a vô cương.
Bèn yên vui a nhà tắm,
Cùng nhật nguyệt a đồng quang.
Áo ngũ sắc a ngồi long giá,
Bay chu du a khắp bốn phương.
Ngài huy hoàng a đã giáng,
Bổng vụt lên a lưng chừng.
Xem Kí Châu a chưa đủ,
Dạo bốn biển a khôn xong !
Tưởng nhớ Ngài a than thở,
Lòng thôn thức a phập phồng.

IV. TƯỜNG QUÂN ⁽⁵⁾

Ngài do dự a không đi,
 Lưu luyến ai a bãi sông ?
 Yếu điệu xinh a đáng vẽ,
 Lướt thuyền quế a ròng ròng.
 Bảo Nguyên Tương a dùng sóng,
 Khiến Đại Giang a êm dòng,
 Trông Ngài hoài a chưa đến,
 Thổi sáo ngọc a chốc mòn.
 Cỡi phi long a lên Bắc,
 Quay trở về a Động Đình.
 Lựa bệ lệ a trầu huệ, ⁽⁶⁾
 Chèo lái tôn a cờ quỳnh.
 Trông Sầm Dương a bến nọ,
 Qua Đại Giang a bay linh.
 Linh bay mãi a chưa đến.
 Thị nữ thương a thở dài.
 Chan nước mắt a đàn dựa,

Ngâm bồn chôn a nhớ ai.
 Má chèo quế a lái lan,
 Chém băng tuyết a sáng ngời.
 Bể bệ lệ a trong nước,
 Trèo lên cây a hái sen.
 Tâm không đông a mối nhọc,
 Nghĩa chẳng nặng a dễ quên.
 Đá ghềnh a nước xiết,
 Phăng phăng a bay thuyền.
 Tình chẳng bền a dài oán,
 Hẹn không giữ a bận liền.
 Sớm vụng sông a đuổi sóng,
 Tối dùng đồ a bãi xanh.
 Trên nóc nhà a chim đậu,
 Dưới thềm nhà a nước quanh.
 Ném vòng tay a xuống nước,
 Quăng chuỗi đeo a bên duyên.
 Hái đồ nhả a bãi thơm,
 Đem cho gái a cõi người.
 Thời chẳng lui a vùn vụt,
 Hãy tiêu dao a thanh thoi.

V. TƯƠNG PHU NHẬN

Để từ xuôi a bãi Bắc,
 Mắt đắm đắm a ta sầu.
 Gió thu nhẹ a hiu hắt,
 Động Đình sóng a lá vèo.
 Lên Bạch Phỉ a ta ngóng,
 Cùng ai hẹn a trời chiều.
 Trong bụi tần a chim núi đậu,
 Chài cá bùa a ngọn cây cao ?
 Chỉ sông Nguyên a lan sông Lễ,
 Nhớ công tử a chẳng hé môi.
 Vời chập chờn a trông mãi,
 Nhìn nước chảy a xuôi xuôi.
 Hươu hoảng sao a vào sân ?
 Thuồng luồng sao a ở cạn ?
 Sớm rong ngựa a vụng sông,
 Chiều bờ tây a qua bến.

Nghe giai nhân a gọi ta,
 Cùng cỡi gió a cánh chắp.
 Trong nước a dựng nhà,
 Lá sen a nóc lợp.
 Vách tôn a sân bối tía,
 Rải tiêu a cả nhà trên.
 Đòn đông a bằng gỗ quế,
 Cột hiên a gỗ mộc lan.
 Mi tân đi a phòng bạch chỉ,
 Kết bệ lệ a làm màn che.
 Đan trường a bằng hoa huệ.
 Ngọc trắng a làm trần đề.
 Thạch lan rải a ngàò ngạt,
 Buộc quán bằng a đồ hành.
 Hộp trăm hoa a đầy ỏ,
 Cỏ thơm dựng a lang quanh.

Cửu Nghi đón a nô nức,
Thân rườn rượt a hoan nghinh,
Ném áo ngắn a xuống nước,
Quăng áo dài a bên duềnh,
Hái đỗ nhã a trên bãi,
Đề tặng người a xa xôi.
Thời tốt lành a khó được,
Hãy tiêu dao a thanh thoi.

VI. ĐẠI TU MỆNH (8)

Cửa trời a mở toang,
Ta cõi a mây sẫm.
Gió quạt a dẫn đường,
Mưa quét a bụi bặm.
Ngài quay về a hạ giới,
Vượt Không Tang a thăm xăm.
Khắp chín châu a bốn biển,
Tuổi thọ yêu a ta cầm.
Trong từng cao a ta bay liệng,
Cõi khí trong a trị âm dương.
Cùng với Ngài a đều rong ruổi,
Dem uy Trời a khắp chín phương.
Áo mây a pháp phối,
Chuỗi ngọc a huy hoàng.

Một âm với a một dương
 Ai biết a chủ trương ?
 Bẻ hoa gai a trắng nõn,
 Để gởi tặng a người xa.
 Tuổi sông sọc a đã hết,
 Chẳng gàn.gũi a lại sơ.
 Cối rông a rượt rượt,
 Ruổi cao a tận trời.
 Xoắn càn quế a đứng lạng,
 Cùng nghĩ ngợi a rồi bời.
 Rồi bời lòng a sao được ?
 Nguyên như nay a chẳng sai.
 Mệnh người a đã định,
 Hợp tan a tự ai ?

VII. THIẾU TỰ MỆNH ⁽⁹⁾

Nở lan man a khắp dưới lầu,
Hoa thu lan a mầm mi vu.
Lá xanh a cành trắng
Hương thơm a ngạt ngào.
Ai cũng có a người đẹp,
Sao Ngài độc a tủi sầu ?
Thu lan a mườn mượt,
Cọng tía a lá xanh.
Đây nhà a người đẹp,
Riêng với ta a đưa tình.
Khi đến a chẳng nói,
Khi đi a chẳng chào.
Gió xoáy cỡi a cò mây phất.
Buồn sao buồn a sống cách nhau.
Vui sao vui a mới biết nhau.

Áo sen a dải huê,
Thoắt đến a thoắt bay.
Tối ngủ a gần trời,
Đợi a trên mây ?
Cùng Ngài tắm a ao ngọc,
Tóc đón nắng a xỏa phơi.
Trông người đẹp a chữa đến,
Hàng gió buồn a hát chơi.
Lọng không tước a cờ phí thúy,
Lên chín từng a sờ sao chổi.
Cầm gương dài a ôm mầm non,
Mình Ngài quản a mệnh trẻ con.

VIII. HÀ BẢ (10)

Cùng Ngài dạo a chín sông,
 Gió nổi tuôn a sóng réo.
 Ngồi xe nước a mui sen,
 Thắng đôi rồng a cho kéo.
 Lên Côn Lôn a đưa mắt,
 Phấn khởi nhìn a mệnh mang.
 Khuấy quên về a gần tới
 Nhớ bến xa a băng khuâng.
 Vẫy cá lộp nóc rồng vẽ gác,
 Bồi tía sơn cửa cung giát châu.
 Ngài làm gì a mãi trong nước ?
 Đuôi cá hoa a cỡi bạch ngao.
 Cùng Ngài giỡn a bên bờ bến,
 Bắn tung tóe a nước trắng ngân.
 Ngài chấp tay a về Đông quách,
 Xuống bến Nam a đưa mĩ nhân.
 Sóng cuộn cuộn a xô lại rước,
 Cá tiễn đưa a lội rân rân,



IX. SƠN QUI (III)

Như có người a trên góc núi,
 Khoác bệ lệ a đeo nữ la.
 Liếc khóe mắt a cười tủm tỉm,
 Tình dịu dàng a đáng thốt tha.
 Cối báo đở a dắt chôn vện,
 Xe tân di a cò quế chi.
 Khoác thạch lan a đeo đồ hành,
 Bể cảnh hương a gợi tương tri.
 Ta ở rừng a không thấy sáng,
 Đường gập ghềnh a chậm tới đây.
 Đứng một mình a trên đầu núi,
 Dưới ùn ùn a thấy nổi mây.
 Sao mịt mù a ngày xẩm tối ?
 Gió đông dập a lại mưa dồn.
 Chờ đợi Ngài a quên về mất,
 Trẻ lại sao a tuổi đã chôn ?
 Hái cỏ chi a trong núi Vu,

Đá lởm chởm a dây lan man.
Giận công tử a quên trở về.
Chàng nhớ ta a mà chẳng nhàn.
Người trong núi a thơm đồ nhả,
Uống nước suối a ngồi bóng tùng.
Chàng nhớ ta a còn nghi hoặc ?
Sấm vang vang a mưa mịt mù.
Vượn hú nhau a tào đêm gọi ;
Gió phe phẩy a cây lay rung.
Nhớ công tử a luống khổ lòng.

X. QUỐC THƯƠNG ⁽¹²⁾

Cầm qua Ngô a mang giáp tê,
 Xe vương trực a đánh giáo mác.
 Cờ rợp trời a địch như mây,
 Tên chéo vụt a quân giành trước.
 Phá tung trận a rồi hàng ngũ,
 Ngựa tả chết a hữu bị thương.
 Bánh xe ngập a trối bốn ngựa,
 Múa dùi ngọc a trống khua vang.
 Mệnh trời hồng a giận uy linh,
 Chết trận hết a bỏ còn bãi,
 Ra chẳng vào a đi chẳng về.
 Bãi mệnh mang a đường xa ngái.
 Đeo gươm dài a đeo cung khỏe,
 Đầu mình rời a khí vẫn hào.
 Gan đã đông a vô lại giỏi,
 Vẫn cứng rắn a chẳng hề nao.
 Thân chết rồi a thân vẫn linh,
 Hồn rắn rỏi a làm quỉ tinh.

XI. LỄ HỒN ⁽¹³⁾

*Lễ xong rồi a đồn trống,
Giơ hoa múa a thay nhau.
Đồng nữ hát a thông thả,
Dâng lan xuân a cúc thu.
Muôn đời mãi a tuyết mù.*

ĐÀO DUY ANH dịch

-
- (1) Cửu Ca là tên bản nhạc tế thần của người Trung Quốc cổ (không phải là 9 bài ca)
(2) Thượng đế.
(3) Thần Mặt trời
(4) Thần Mây
(5) Thần sông Tương, con sông lớn nhất nước Sở
(6) Lúa bằng bệ lệ, trù bằng huệ
(7) Nữ thần sông Tương
(8) Thần bản mệnh của mỗi người.
(9) Thần bản mệnh của trẻ con
(10) Thần sông
(11) Nữ thần núi Vu
(12) Tướng sĩ chết trận vì nước
(13) Tổng tiên thần. (Sau khi hát tế 11 loại thần trên, thì hát lễ hồn để tổng tiên, theo phong tục xưa của người Trung Quốc cổ).

Câu chương ⁽¹⁾

I. QUẤT TỤNG ⁽²⁾

Quýt trời cung a,
Đã quen thủy thồ.
Sinh phương Nam a,
Chịu mệnh chẳng bỏ.
Vững vàng không đổi a,
Một tiết bền.
Lá xanh hoa trắng a,
Khá vui tin.
Cành rậm gai nhọn a,
Quả tròn xoáy.
Xanh vàng xen lẫn a,
Tươi biết mấy !
Lòng trắng sắc tình a,
Khá trọng dùng.
Xinh xắn như trau a,
Đẹp vô cùng !

Ôi ! Tuổi trẻ trung a,
 Mà có chí lạ.
 Độc lập chẳng nao a,
 Há không hǎ dạ !
 Vững vàng không đổi a,
 Tuyệt chẳng cầu gì.
 Tinh táo ngay thẳng a,
 Ngang nhiên chẳng tui.
 Kín lòng thận trọng a,
 Rốt không lảm lồi.
 Giữ đức không thiên a,
 Đất trời cùng phối.
 Hết mùa cùng héo a,
 Làm bạn lâu dài.
 Không nao không núng a,
 Vì lí tưởng hoài.
 Tuổi dù còn trẻ a,
 Làm thầy vẫn sôi.
 Nguyên sánh Bá Di a, ⁽³⁾
 Treo gương chói lợi.

II. TÍCH TỤNG ⁽⁴⁾

Tiếc làm thơ nên khổ a,
Bày tình do nhức nhối.
Động lòng trung thốt lời a,
Vạch trời xanh mà nói.
Khiến Năm đế chiết đoán a, ⁽⁵⁾
Bảo Sáu thần đối chất. ⁽⁶⁾
Sai Núi Sông chực hầu a,
Nhờ Cao Dao xử xét. ⁽⁷⁾
Thờ chúa hết trung thành a,
Mà lẻ loi như bước thừa.
Không nịnh nên trái chúng a,
Chúa biết thấu-còn phải chờ !
Ngôn và hành hợp nhất a,
Lòng và mặt vẫn một màu.

Biết tôi ai bằng chúa a,
 Vì thấy mà chẳng cách nhau.
 Ta lo chúa trước thân sau a,
 Mà chúng người sao căm ghét ?
 Chuyền vì chúa chẳng gì khác a,
 Mà người ta thù đến chết !
 Một dạ chẳng do dự a,
 Thế mà sao không tự giữ ?
 Gấp gân vua chẳng gì khác a,
 Đó là đường mua vạ dữ.
 Lo vua ai trung như ta a,
 Bỗng quên mình là nghèo hèn.
 Thờ vua chẳng hai lòng a,
 Cửa dua nịnh ta không quen.

100 THƠ KHUẤT NGUYỄN

Trung tội gì mà bị duông a,
Thực lòng ta chẳng có nài.
Làm khác đời mà nhào ngã a,
Lại bị người cứ chê bai.
Gặp lộn xộn mà bị gièm a,
Dù trăm miệng khôn giải thích.
Tình oan ức chẳng tỏ được a,
Lại bị chê khôn bộc bạch.
Lòng uất ức ta sưng sờ a,
Chẳng xét ta dạ trung lương.
Nói nhiều cũng chẳng tỏ hết a,
Muốn bày chí mà không đường,
Làm thình thì chẳng ai biết a,
Kêu lên chẳng ai nghe được.

Càng sững sờ bối rối a,
Lòng tơ vò thêm buồn bực.
Xưa ta mộng lên trời a;
Hồn nửa vời mà chơ vơ.
Khiến Lệ thần bối xem a, ⁽⁸⁾
Rằng chí lớn thiếu chỗ nhờ.
Rốt cô độc mà bị đuổi a,
Rằng chúa khá lo mà không khá cậy.
Vì lời gièm hảy vàng a,
Vốn mình thẳng mà hóa vạy,
Trượt vỏ dưa tránh vỏ dừa a,
Sao nét cũ vẫn không chừa ?
Muốn lên trời mà bỏ thang a,
Sao thói cũ cứ trơ trơ ?
Mọi người sợ mà lánh xa a,
Lại làm sao còn cứng cổ ?

Cùng một chí mà khác đường a,
 Lại làm sao còn ngoan cố ?
 Tấn Thân Sinh con hiếu a, ⁽⁹⁾
 Cha tin gièm mà chẳng yêu.
 Hạnh quá thẳng không do dự a,
 Cẩn dụng công mà hỏng keo.
 Ta nghe trung trực mà gây thù a,
 Bỗng cho là lời nói bậy.
 Chín gãy tay mới hay thuốc a,
 Nay mới tin quả như vậy.
 Ở trên thì cung tên bắn a,
 Ở dưới thì lưới giăng cùng.
 Bủa giò bẫy cho vui chúa a,
 Cầu ghé thân khó chỗ dung.
 Muốn quanh quẩn mà xin dùng a
 Sợ lại rủi vương nguy khôn.

Muốn bay cao mà chạy xa a,
Sợ chúa bảo sao bỏ trốn ?
Muốn chạy vung cho mất lối a,
Vì chí bền chẳng nở nào.
Lung ê ngực nhói liên miên a,
Lòng uất kết mà rồi đau.
Giã mộc lan với huệ a,
Cùng thân tiêu làm lương cất.
Trông giang li và vun cúc a,
Phòng ngày xuân làm hương bột.
Sợ tình chí chẳng được tin a,
Nên đình ninh mà bày ra.
Lấy bấy nhiêu mà tự cung a,
Nguyện sâu nghĩ mà lánh xa.

III. TRỪU TU (10)

Lòng uất ức mà lo âu a,
Chạnh than hoài càng đau xót.
Nghĩ tức tối mà chẳng khuây a,
Suốt đêm trường luôn trần trọc.
Buồng gió thu cảnh xơ xác a,
Sao xoáy lăm như thế hoài !
Nghĩ chúa sao giận quá chùng a,
Khiến lòng ta than thở dài.
Muốn vùng dậy mà chạy vung a,
Thấy khổ dân mà phải lặng.
Kết tình mọn làm bài ca a,
Lên người đẹp ta gởi tặng.
Xưa Người cùng ta đã ước a,
Hẹn chiều hôm thì gặp nhau.
Sao nửa chừng lại nỡ trái a,
Mà với ta đã lòng nào !

Lại lòe đẹp với ta a,
 Khoe với ta vẻ yêu điệu.
 Nói với ta mà chẳng tin a,
 Lại vì ta mà nổi cáu.
 Mong thừa lúc bực bực a,
 Lòng run sợ mà lại thôi.
 Buồn do dự mà muốn tiến a,
 Lòng đau xót mà bồi hồi.
 Nay vạch tình mà tỏ lời a,
 Bề trên chẳng nghe giả điếc.
 Vốn người ngay mà chẳng nịnh a,
 Chúng quyết bảo đồ hồng việc.
 Ta trình bày vốn rõ rệt a,
 Há đến nay mà đã quên !
 Ta sao riêng vui khẩn khẩn a,
 Nguyên Bề trên đức sáng lên.

Tam hoàng Ngũ đế trông gương a, ⁽¹¹⁾
Nhắm Bành Hàm làm mẫu mực.
Xa xôi mấy mà chẳng đến a,
Khiến nơi nơi danh đều nức.
Thiện chẳng do ngoài lại a,
Danh với thực phải phù nhau.
Ai không cho mà có trả a,
Ai không gieo mà gặt đâu !
Ca nhỏ
Cùng người đẹp bày lòng a,
Luôn ngày đêm chẳng ai chùng.
Khoe tốt đẹp với ta a,
Ngạo lời ta mà chẳng khùng.

Xướng

Có chim từ Nam a,
 Dừng đậu ở Hán bắc.
 Xinh đẹp dịu dàng a,
 Cô đơn ở nơi dị vực.
 Chon von đứng lẻ a,
 Lại không kẻ làm mối lành.
 Đường cách xa bị lãng quên a,
 Muốn giải bày mà chẳng thành.
 Trông núi Bắc mà rơi lệ a,
 Tới dòng trong mà rên siết.
 Trông đêm đầu hè vốn ngắn a,
 Sao đằng đẵng mà không hết,
 Nghĩ đường về Sính xa thăm a, ⁽¹²⁾
 Hôn một đêm trăng chín tao. ⁽¹³⁾
 Ta chẳng biết đường quanh thẳng a,
 Nhắm miền Nam trăng và sao.

Mong đi tắt mà chẳng được a,
Hồn thấy đường dài dằng dặc.
Linh hồn sao cứ ngay thẳng a,
Người với ta lòng sao khác !
Lái yêu mà mỗi chẳng thông a,
Vẫn chẳng biết ta mực thước,

Lời kết

Lên thác xuống ghềnh ta ngược sông a,
Vội ngoảnh về Nam mà tạm yên.
Đường khắp khênh trái lòng ta a.
Vượt ý tà mà lặng tiến lên a.
Ngần ngừ do dự,
Đến Bắc Cô ngủ lại a.
Oan sâu bối rối,
Cứ thế mà trôi nổi a.
Thở than bi thảm,
Tâm thần nghĩ về đâu a ?

Đường xa chốn lách,
Lại chẳng mối manh nào a.
Nghĩ làm ca để tự giải a.
Lòng chẳng thỏa cùng ai kêu a.

IV. TU MĨ NHÂN⁽¹⁴⁾

Nhớ người đẹp a,
 Gạt lệ dăm dăm xa.
 Đường ngăn mối dứt a,
 Lời không thể kết thành ca.
 Ngay thẳng mà mang oan a,
 Sa lầy khó đi tới.
 Tỏ rõ để giải lòng a,
 Chí uất ức mà không toại.
 Mong gởi lời cho mây nổi a,
 Nhưng Thần Mây chẳng thấu lòng.
 Nhờ chim hồng mà nhắn nhủ a,
 Hồng bay cao nên khó trông.
 Cao Tân đức thiêng sao a,⁽¹⁵⁾
 Gặp chim huyền đem cho trứng.

Muốn đổi tiết theo đời a,
Lại xấu hổ mà không khứng.
Trải bao năm riêng sầu khô a,
Mà giữ tiết vẫn chưa dời.
Thà ẩn nhẫn mà chết già a,
Chứ đổi dạ thì chịu thôi !
Biết dấu xe trước khó thông a,
Vẫn đường ấy mà đi tới.
Xe đã đỗ ngựa đã nhào a,
Vẫn không dời đường kì quái.
Thắt ngựa kí mà đổi giá a,
Nhờ Tào Phủ đánh dùm xe. ⁽¹⁶⁾
Đi thông thả mà chớ thúc a,
Để ung dung mà chờ thì.

Chỉ Ba Trủng núi phía Tây a, (17)
Cùng hẹn nhau đến chạng vạng.
Khai xuân đầu năm a,
Ngày thư thái ánh chiều sáng.
Thả lòng ta vui vẻ a,
Theo Giang Hạ để khuây lòng. (18)
Hái bạch chỉ trong bãi a,
Ngắt túc mục trên bãi sông.
Tiếc không kịp cỏ nhân a,
Cùng ai đeo phương thảo ấy ?
Hái biển súc cùng rau vặt a,
Để xâu luôn mà đeo lấy.
Quấn nhiều vòng mà khoác a,
Rồi khô héo cũng bỏ thôi.

Lại quanh quẩn mà khuây lòng a,
Tục người Nam ta thăm chơi.
Trộm vui chút trong lòng a,
Xua phiền muộn không cần biết.
Hương ngào ngạt thì ngát xa a,
Trong đã đầy ngoài phát tiết.
Tình với chất thực giữ được a,
Dù ả dật danh xa rao.
Nhờ bệ lệ làm lái cho a,
Sợ cát gót phải trèo cao.
Nhờ phù dung làm mối cho a,
Sợ vén xiêm mà chân lấm.
Lên cao ta vốn chẳng ưa a,
Xuống bùn ta cũng ngại lấm.

Vốn thân ta không quen a,
Nên do dự mà xem ngấm.

Lời kết

Vẫn theo nếp cũ a,
Chứa đôi đường lối này.
Mệnh ở tới ta chẳng quản a,
Nguyên kịp trời sáng chưa hết ngày.
Bơ vơ trẩy về Nam a,
Nhớ Bành Hàm không hề khuây.

V. BI HỒI PHONG (19)

Buồn gió xoáy phe phất huệ a,
Lòng oan ức mà đau thương.
Vật nhỏ yếu mà dễ rụng a,
Tiếng mới nổi còn nhẹ nhàng.
Nhớ Bành Hàm sao thiết tha a,
Mến chi tiết mà khôn khuây.
Muôn biến hóa vẫn khó đây a,
Gian nguy giấu không lâu mấy.
Chim muông kêu mà gọi bọn a,
Hoa cỏ héo hương chẳng bay.
Cá mú đua mà khoe vẩy a,
Rồng lại nấu mà chờ mây.
Đồ và tể chẳng trông chung a, (20)
Lan chỉ kín thơm tro trọi.

Chỉ giai nhân là đẹp mãi a,
 Vượt cả đời mà tự trôi.
 Chí cao xa kịp người trước a,
 Thương vật vờ như phù vân.
 Chí cao xa người khó hiểu a,
 Trộm ngâm ngâm phân trần.
 Chỉ giai nhân là độc nhớ a,
 Bể nhả tiêu mà tự xử.
 Luôn ngâm ngùi mà than thở a,
 Chạnh nấp nấu mà tư lự.
 Lệ rờn rờn mà thê thảm a,
 Nghĩ trần trọc đến bình minh.
 Suốt đêm dài dằng dặc mãi a,
 Chỉ ôm lòng mà buồn tênh.

Dây thong thả mà dạo chơi a,
Gượng tiêu dao mà tự tại.
Độc thở dài mà đau xót a,
Khí ấp ức mà uất mãi.
Kết tơ lo mà làm dãi a,
Bện sợi sầu làm áo choàng.
Bẻ cây nhược che ánh sáng a,
Theo gió xiêu mà lang thang.
Cứ phảng phất chẳng thấy gì a,
Lòng nháy nhót như sôi nước.
Sờ vòng áo để yên tâm a,
Chỉ bàng hoàng mà tiến bước.
Năm vùn vụt như muốn đổ a,
Đời thấm thoát mà đến già.

Phiền hành héo mà lìa đốt a,
 Hương cũng lạt mà phôi pha.
 Thương lòng nhớ không chữa được a,
 Quả lờn gièm nguy hại thực.
 Thà chết quách mà trôi mất a,
 Kéo luôn sầu không nhin được.
 Con cô than mà gặt lệ a,
 Con bỏ đui đi vật vờ.
 Ai lại nhớ mà chẳng xót a,
 Rõ tiết tháo Bành Hàm xưa.
 Lên núi đá mà trông xa a,
 Đường mệnh mang mà lạng phắc.
 Tìm vang bóng chẳng thấy gì a,
 Lặng tưởng tượng không thể được.

Sâu uất uất mà nặng trĩu a,
 Dại canh cánh mà khôn khuây,
 Lòng bực bội mà không hả a,
 Khí xoắn kết như tơ vầy.
 Thắm mờ mịt mà không hình a,
 Rộng bao la mà không tượng.
 Tiếng tuy lặng mà cảm nhau a,
 Vật tuy thuần mà như ruồng.
 Xa miên man không thể lường a
 Dài dằng dặc không thể vò.
 Sâu đặng đặng mà thắm mãi a,
 Hồn bay bổng vẫn âm u.
 Lên dốc thăm đỉnh núi cao a,
 Đứng chót vót trên ráng đỏ.

122 THƠ KHUẤT NGUYỄN

Lên từng xanh mà cỡi mống a,
Bền vội vàng da trời võ.
Uống cam lồ thấy mát rượi a,
Hớp sương giá gọt trắng phau,
Tìm ổ gió mà nghỉ ngơi a,
Bỗng tỉnh lại mà lao đao.
Dựa Côn Lôn ngó mây mù a,
Nếp Mân Sơn xem sông lớn.
Nước cuộn cuộn nghe âm âm a,
Sóng ào ào mà nhào lộn.
Nhìn đông tây không thấy mối a,
Nhìn nam bắc không thấy giường.
Mênh mông chẳng biết đến đâu a,
Rong ruổi như không hết đường.

Xập xòe như tả như hữu a,
 Phấp phới như lên như xuống.
 Dập dôi khi trước khi sau a,
 Theo nhịp khi tiêu khi trường.
 Nam hải mây nóng bốc lên a,
 Đông hải khói mù tích tụ.
 Bắc hải sương tuyết phủ khắp a,
 Tây hải nước triều dâng đỏ.
 Dưa ánh sáng mà qua lại a,
 Quất cong hoàng cực khúc rơi vàng.
 Tìm Giới tử trong Miên sơn a, ⁽²¹⁾
 Xem vết Bá Di đá Thú Dương.
 Quyển luyện không nở dờn a,
 Ghi lòng dạ không thể bỏ.

Lướt sóng lớn mà theo gió a,
Tìm Bành Hàm nơi yên ngủ.
(Lời kết)

Giận ngày trước đã luống mong a,
Thương kẻ sau tranh khư khư.
Cùng Giang Hoài trôi vào biển a, ⁽²²⁾
Để theo đòi Ngũ Tử Tư. ⁽²³⁾
Trông bến bãi Đại hà a,
Xót Thân Đồ tìm dấu vết. ⁽²⁴⁾
Vội can vua chẳng nghe a,
Ôm đá trầy mà liễu chết.
Lòng áp ức khó khuây a,
Ý bức bội mà uất kết.

VI. THIỆP GIANG ⁽²⁵⁾

Tự nhỏ ta thích kì phục a,
Đến tuổi già vẫn không thay
Mang kiếm dài sáng lấp lánh a,
Đội mũ cao dựng từng mây.
Đeo chuỗi ngọc quý lung linh a,
Khoác áo sức châu minh nguyệt.
Đời ngàu đục chẳng biết ta a,
Ta ruổi cao mà không thiết.
Cỡi thanh cừ a liền bạch li.
Với vua Thuần a chơi Dao trì.
Lên Côn Lôn a ăn tinh ngọc.
Cùng trời đất a cao tuổi hạc.
Chung ánh sáng a với trời trăng.
Thương Man Di chẳng biết ta a,

126 THƠ KHUẤT NGUYÊN

Sớm ta vượt Giang và Tương
Lên Ngạc Chử mà quay nhìn a,
Gió thu đông nghe than thở.
Dóng ngựa ta trên chằm núi a,
Bỏ xe ta trong rừng rú.
Cỡi thuyền ta ngược sông Nguyên a,
Đập làn sóng đều mái chèo.
Thuyền dùng dằng mà chẳng tiến a,
Vì nước xoáy lượn quanh queo.
Sáng ra đi từ Uông Chử a,
Chiều vừa đến Thì Dương nghỉ.
Ví lòng ta cứ ngay thẳng a,
Dù duông bỏ không phần chí.
Vào Tự Phó ta trù trừ a,

Mê man biết sẽ đi đâu !
Rừng sâu rậm mà mù mịt a,
Chính chỗ ở loài khỉ tườu.
Núi cao che mặt trời a,
Dưới tối tăm mà mưa nhiều.
Tuyết phủ đầy không thấy ngán a,
Mây phơi phơi nóc nhà bung.
Thương ta sống mà chẳng thú a,
Chỉ âm thầm trong núi rừng.
Ta không thể đổi theo tục a.
Nên sâu khô đến tột đường.
Tiếp Dư trọc đầu a, ⁽²⁶⁾
Tang Hồ thân ở truồng. ⁽²⁷⁾
Trung chẳng hẳn dùng a,

Hiền chẳng hẳn được cát.
Tĩ Can mô² gan a,
Ngũ Tử phải tự sát.
Người xưa đều thế cả a,
Ta há oán gì người nay,
Ta theo đạo chẳng do dự a,
Nên gặp u ám trọn đời này.

Lời kết

Chim loan chim phượng ngày càng xa a,
Chim yến chim thước ở đài các a.
Tân di bỏ chết đông bãi rừng a,
Thơm thì duồng hôi tanh lại chác a.
Âm dương đổi vị a,
Ôm trung tín sững sờ ta cam đời bước a.

VII. AISÍNH (28)

Hoàng thiên mệnh chẳng chắc a,
 Để trăm họ phải điêu tàn.
 Dân li tán mà lạc nhau a,
 Chạy sang Đông tháng trọng xuân.
 Bỏ Cố đô đi xa à,
 Theo Giang Hạ mà xiêu giạt
 Ra cửa thành mà đau thương a,
 Ta khởi hành sáng ngày giáp.
 Giã Sính đô mà hoảng hốt a.
 Lìa quê cũ đến bao giờ ?
 Chèo đò nhịp mà dùng dăng a,
 Thương thấy chúa chẳng được thờ.
 Trông cây tử mà thở dài a,
 Nước mắt tuôn như mưa xối.

Qua cửa Hạ trôi về Tây a,
Đoái Long Môn mà mắt mỏi.
Lòng bịn rịn mà nhớ thương a,
Chẳng biết sẽ đặt chân đâu.
Theo sóng gió mà trôi nổi a,
Biết lênh đênh về chốn nào.
Lướt ba đào đương ngập tràn a,
Bồng bay lên cao vời vọi.
Lòng buồn bức mà khó nguôi a
Tí tức tối mà khôn cỏi,
Hãy quay thuyền mà thả xuống a,
Vào Động Đình mà xuôi dòng.
Bỏ chỗ ở từ bao thuở a,
Mà tiêu dao qua cõi Đông.

Linh hồn thường muốn về a,
 Sao phút chốc quên trở lại ?
 Ngược cửa Hạ nhớ phía Tây a,
 Thương Cố đô ngày xa ngái.
 Lên gò cao mà trông ngóng a,
 Để tâm khuây nổi bi ai.
 Thương trung châu đất giàu vui a,
 Xót thói cũ chôn sông ngòi.
 Cõi làn sóng mà đi đâu a,
 Vượt xuống Nam về đâu đó ?
 Chẳng biết Đô thành hóa gò a,
 Ai hay hai cửa Đông rậm cỏ !
 Lòng chẳng vui như thế mãi a,
 Lo và buồn cứ liên miên.
 Đường về Sính xa xôi lắm a,

Giang với Hạ khó vượt lên.
Bỗng bị gièm mà mất tin a,
Nay chín năm chưa trở lại.
Lòng uất ức mà chẳng thông a,
Dáng sưng sờ mà ngậm tủi.
Kẻ nịnh nọt mà được yêu a,
Thực yếu đuối làm được gì !
Trung trinh trọng mà mong tiến a ,
Lại bị ghen mà lấp che.
Nghieu Thuấn đức hạnh cao a,
Ngất đến trời mà vùi vùi.
Chúng gièm vì đố kỵ a,
Còn gán cho danh bạc bội.
Người tốt đẹp thì lại ghét a,

Ua vẻ khảng khái phùng gian tà.
Chúng chạy vạy mà tiến tới a,
Người cao thượng ngày càng xa.

Lời kết

Mất ta man mác nhìn quanh a,
Biết trở về là lúc nào ?
Chim bay nhớ về tổ a,
Cáo chết gò quay đầu.
Tin chẳng phải tội mà bị đuổi a,
Đêm như ngày quên làm sao !

VIII. HOÀI SA (29)

Bùng bùng đầu hạ a,
Cây cỏ rườm rườm.
Đâu thương không ngớt a,
Rảo vội về Nam.
Trông vời mịt mù a,
Bốn bề lặng lẽ.
Uất kết quặn đau a,
Li sầu bi khôn mãi.
Suy tình xét chí a,
Oan khuất phải chịu vầy.
Chuốt vuông cho tròn a,
Nếp thường chẳng thay.
Theo lời lia gốc a,
Quân tử không thích.

Mực ngay thước thẳng a,
Giữ lẽ dù rách.
Lòng trung chất chính a,
Thánh nhân mới dùng.
Thọ khéo không đẽo a,
Ai biết thẳng cong !
Màu sắc ở tối a,
Mù rừng xấu xí.
Li Lân lim rím a, ⁽³⁰⁾
Lòa rừng cận thị.
Trên dưới xáo trộn a,
Đen trắng đổi thay.
Phượng hoàng bị nhốt a,
Gà trĩ múa may.

Ngọc đá hỗn hào a,
So nhau một lúa.
Bè đảng ghét ghen a,
Biết ta gì chứa !
Chở nhiều gánh nặng a,
Sa lầy khó qua.
Mang châu cầm ngọc a,
Cùng ai giờ ra !
Bầy chó sủa om a,
Sủa vì thấy quái.
Chê tuấn ngờ kiệt a,
Kẻ hèn vẫn thói.
Văn chất đúng thể a,
Về lạ ta nào ai tường !

Tài năng bỏ xó a,
Của riêng ta nào ai màng !
Dây nhân nặng nghĩa a,
Lấy trọng hậu mà giữ đức.
Vua Thuấn chẳng gặp được a,
Ai biết ta trung trực !
Thánh hiền vốn không cùng thời a,
Há biết vì cớ sao !
Vũ Thang xa vắng a,
Luống để ta ước ao,
Nén tủi nuốt hờn a,
Dằn lòng mà gắng sức.
Gặp khốn chẳng dờn a,
Nguyện chí làm mẫu mực,

Đường đi về Bắc a,
Ngày xuân xâm tới rồi.
Khuây sâu nguôi thương a,
Đời cũng đến chết thôi.

Lời kết

Mênh mông Nguyên Tương,
Cuồn cuộn sóng đời a.
Đường xa man mác,
Ngát tanh mù khơi a.
Ôm tình giữ chặt,
Đành phải mồ côi a.
Ba Nhạc đã mất, ⁽³¹⁾
Ngựa kí ai coi a.
Nhân sinh có mệnh,
Đều đã định rồi a.

Vững lòng rộng chí, ta chẳng sợ a.
Xót thương chẳng dứt, than thở mãi a.
Đời ngàu đục không biết ta,
Lòng người khó phôi a.
Biết chết không tránh được,
Nguyện không tiếc đời a,
Thánh hiền mình chính,
Ta mong theo đời a.

IX. TÍCH VÂNG NHẬT ⁽³²⁾

Tiếc ngày trước được tin a,
Chịu mệnh chúa mà soi đường.
Vâng công trước rọi xuống a,
Khiến pháp độ được rõ ràng.
Nước giàu mạnh mà phép định a,
Quan trung trình ngày vui vẻ.
Việc cơ mật đều để lòng a,
Tuy lỗi lầm cũng không trị.
Lòng thuần hậu mà thận trọng a,
Gặp kẻ gièm lại ghét chê.
Chúa mang giận mà đãi tôi a,
Không thấu suốt điều thị phi.
Che tôi tai mắt của chúa a,
Bịa chuyện láo mà lừa dối.

Chẳng nghiệm tình để xét thực a,
 Chẳng nghĩ lại mà duỗi đuôi.
 Tin gian nịnh lời điên đảo a,
 Nỗi giận dữ mà quá đường
 Sao tôi trung chẳng tội gì a,
 Bị gièm pha đến đáng thương.
 Thẹn sáng tối không rạch ròi a,
 Nên ân oán mà dè chừng,
 Đến vực thăm sông Nguyên Tương a,
 Bèn tự nhẫn mà liều nhẩy.
 Rốt thân mất mà danh dứt a,
 Tiếc chúa hôn mà chẳng thấy.
 Chúa hồ đồ mà chẳng xét a,
 Khiến hoa thơm phải u ẩn.

Sao tỏ tình mà lấy tin a,
Cam bỏ mạng mà chẳng quản.
Chỉ ngăn lấp mà che giấu a,
Khiến tôi trung đành chán nản.
Nghe Bách Lý làm nô lệ a, ⁽³³⁾
Y Doãn nấu ở bèo trôi. ⁽³⁴⁾
Lã Vọng mô ở Tiều Ca a,
Ninh Thích hát mà nuôi trâu. ⁽³⁵⁾
Không gặp Thang Võ Hoàn Mục a,
Đời ai biết tài năng lớn !
Ngô nghe gièm mà chẳng biết a,
Tử Tư chết rồi suy đốn.
Tán Văn tình mà tìm kiếm a,
Giới Tử trung ẩn trong non.

Khoanh Giới sơn làm rừng cấm a, ⁽³⁶⁾
 Tưởng báo đáp tấm lòng son...
 Nhờ người cũ gần gũi mình a,
 Áo gai trắng mà khóc vái.
 Có người trung nghĩa tử tiết a,
 Có người dối mà tin đại.
 Chẳng xét kĩ mà cầu thực a,
 Nghe lời bịa kẻ gièm pha.
 Thom cùng thối cho lẫn lộn a,
 Ai phanh phui mà vạch ra ?
 Cỏ thom sao lại chết non a,
 Sương nhẹ xuống không phòng bị.
 Để tai mắt bị che lấp a,
 Khiến sầm nịnh ngày được quý.

Từ đời trước hiên bị ghen a,
Bảo lan huê không thể đeo.
Đẹp phơi phới thì bị ghét a,
Xấu làm bộ lại mỹ miều.
Tuy sắc sảo như Tây Thi a,⁽³⁷⁾
Gièm ghen vào cũng thành xấu.
Nguyên trần tình mà tự bạch a,
Dù nên tội không phải cố.
Tình oan ức ngày rõ ra a,
Như tinh tú khắp sáng bày.
Cối kì kí mà rong ruổi a,
Không cương hàm cứ chạy bay.
Đi bè mảng mà xuôi dòng a,
Không chèo lái mà cứ thả,

*Trái pháp độ mà tùy lòng a,
So thế ấy in nhau cả.*

*Thà chết quách trôi mất a,
Sợ tai ương vẫn chữa rồi.*

Lời kết

*Chưa dứt lời mà gieo vục a,
Tiếc chúa hôn chẳng biết thôi !*

DÀO DUY ANH dịch

-
- (1) Cửu chương : 9 bài, viết riêng lẻ, đời sau gộp lại.
(2) Quất tụng : ca ngợi quýt.
(3) Bá Di : Con trưởng vua nước Cô Trúc, đời nhà Ân.
Khi nhà Chu diệt nhà Ân, Bá Di và em là Thúc Tề
bỏ vào núi Thù Dương rồi chịu chết đói ở đó.
(4) Tích tụng : Tiếc làm thơ.
(5) Năm đế : 5 vị thiên đế chủ 5 phương.
(6) Sáu thần : 4 thần ở 4 phương, 1 ở trên, 1 ở dưới.

- (7) Cao Dao : Theo truyền thuyết người sáng lập ra ngành tư pháp ở Trung Quốc, từ đời nhà Hạ.
- (8) Lệ thần : Thần chủ việc sát phạt.
- (9) Thân Sinh, con Tấn Hiếu Công, bị Hiếu Công giết.
- (10) Trừu tư : Trình bày tâm tư.
- (11) Tam hoàng : Ba vị vua cổ : Toại Nhân, Phục Hi, Thần Nông. Ngũ Đế : 5 vị đế : Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu, Thuấn.
- (12) Sính : Kinh đô nước Sở.
- (13) Đi chín lần.
- (14) Tư Mĩ Nhân : Nhớ người đẹp
- (15) Cao Tân : Đế Cốc, Thủy Tổ nhà Thương.
- (16) Tào Phủ : Tên người đánh xe thời nhà Chu.
- (17) Ba Trủng : Núi nước Tấn.
- (18) Giang, Hạ : Hai con sông.
- (19) Bi hồi phong : Buồn gió xoáy.
- (20) Đồ rau đắng tế là rau ngọt.
- (21) Giới Tử Thôi : Người theo Tấn Văn Công 19 năm nhưng khi Văn Công lên ngôi vua thì quên công của Giới, nên Giới đem mẹ về núi Miên ở ẩn, sau chịu chết cháy chứ không thêm ra với Văn Công.
- (22) Giang Hoài : Hai con sông Trường Giang và Hoài Hà.
- (23) Ngũ Tử Tư : Người giúp vua Ngô đánh Sở, sau bị gièm, vua Ngô bắt Ngũ phải chết.
- (24) Thân Đồ, hiền sĩ, can vua Trụ không được, ôm đá nhảy xuống sông chết.

- (25) Thiệp Giang : Qua sông Giang.
- (26) Tiếp Dư : Người nước Sở thời Xuân Thu, giả điên để không làm quan.
- (27) Tang Hồ : Ân sĩ, ở trường để phản đối nhà cầm quyền.
- (28) Ai Sinh : Thương Sinh Đô, kinh đô nước Sở.
- (29) Hoài Sa : Nhớ Trường Sa, đất thủy tổ của nước Sở.
- (30) Li Lân : Nhân vật truyền thuyết, có mắt sáng nhìn rõ từng cái tơ lông ở xa hàng trăm bước.
- (31) Ba Nhạc : Người giỏi xem tướng ngựa thời Tần Mục Công.
- (32) Tích vãng nhật : Tiệc ngày trước.
- (33) Bách Lý Hề, đại phu nước Ngưu bị bắt tù, sau chàng trốn vua Tần may 5 tấm da cừu chuộc lại, sau giúp Tần Mục Công lập nghiệp bá.
- (34) Y Doãn : Hiến thần của vua Thang nhà Hạ.
- (35) Ninh Thích : Người chăn trâu có kì tài ở nước Vệ.
- (36) Giới Sơn : Núi Miêu, nơi Giới Tử Thôi, chết cháy.
- (37) Tây Thi : Người đẹp nước Việt.

Mục lục

	Trang
- Bốc cử	10
- Ngự phủ	13
- Li Tao	16
- Thiên văn	33
- Cửu ca	55
- Cửu chương	72

THI CA THẾ GIỚI CHỌN LỌC

***Thơ* KHUẤT NGUYÊN**

Chịu trách nhiệm xuất bản :

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập : NGUYỄN CÔNG BÌNH
Sửa bản in : TUẤN MINH
Bìa & minh họa : VĂN NGUYỄN
Thực hiện : TRẦN TUẤN

In 1.000 cuốn, khổ 10 x 18 cm tại Xí nghiệp In số 4. Đăng kí KHXB số: 57/1348 do Cục Xuất bản cấp ngày 6/10/2003. Giấy trích ngang số: 172/TN/XBTN cấp ngày 13/10/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2004.



Victor Huygô - S.Bôđơler
G.G.Bairôn - Henrích Hainơ - A.X.Puskin
M.lu.Lermôn tôp
A.Blôk - Xandor Pê tôfi - Nazim Hikmét
R.Tagor - Xergây Exênhin
Nicôla Ghiden
Yanít Rítxốt
Oan Uytman - Raxun Gamzatốp
Lí Bạch - Đỗ Phủ
Khuất Nguyên - Bạch Cư Dị
Thơ Đường

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

trân trọng giới thiệu

Giá: 2.000